

NHỮNG THÁCH THỨC CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

PHẠM DUY ĐỨC^(*) (chủ biên). **Những thách thức của văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.** H.: Văn hóa-Thông tin và Viện Văn hóa, 2006, 255 trang.

MAI DIỄN
lược thuật

Văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh các nhân tố có tác động tích cực thì nền văn hóa Việt Nam cũng gặp phải không ít thách thức trên một số lĩnh vực như giáo dục - đào tạo, thông tin đại chúng, dịch vụ văn hóa,... Cuốn sách (gồm 3 chương) góp phần giải đáp những vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay.

Chương 1 - Văn hóa Việt Nam: sự hình thành và phát triển - những giá trị tiêu biểu

1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam

Mở đầu cuốn sách tác giả đề cập đến những điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế và xã hội với tính cách là cơ sở hình thành những giá trị tiêu biểu của văn hóa Việt Nam và đã phác ra một khung phân kỳ lịch sử văn hóa Việt Nam với năm thời kỳ:

Thời kỳ dựng nước (thời kỳ Văn Lang-Âu Lạc) với nền văn hóa trống đồng Đông Sơn chứng tỏ tài năng sáng tạo nội

sinh của người Việt cổ trước khi có sự tiếp xúc với Trung Hoa và Ấn Độ.

Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc là thời kỳ đấu tranh quyết liệt để một mặt chống lại sự đồng hóa của đế chế phương Bắc, mặt khác lại ra sức tiếp thu, thâm hóa những tinh hoa của văn hóa ngoại sinh, không ngừng làm phong phú và tự hoàn thiện nền văn hóa dân tộc.

Thời kỳ Đại Việt mở ra từ nửa sau thế kỷ X sau Công nguyên với sự ra đời của các vương triều Ngô, Đinh, Tiền Lê sau đó đến Nhà nước Đại Việt, và kết

^(*) PGS., TS. Viện Văn hóa và Phát triển (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh)

thúc vào nửa sau thế kỷ XIX với sự tiếp xúc và đụng độ với văn hóa phương Tây. Đây là thời kỳ xây dựng và khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nên một quốc gia dân tộc độc lập và thống nhất.

Thời kỳ Pháp thuộc và chống Pháp thuộc là đợt giao lưu văn hóa lớn lần thứ hai, trong đó nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh bền bỉ và kiên cường để chống lại

chính sách đồng hóa của chế độ thực dân phương Tây, đồng thời ra sức học tập những cái hay của văn minh phương Tây để từng bước hiện đại hóa nền văn hóa nước nhà.

Thời kỳ Việt Nam xã hội chủ nghĩa mở ra từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IV (1976) với khẩu hiệu đề ra là “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam có nội dung tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (tr.14-16).

2. Những đặc điểm tiêu biểu và giá trị nổi bật của văn hóa Việt Nam

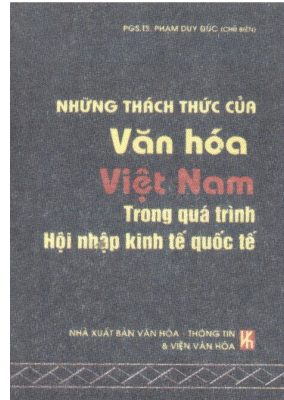
Khi nói đến truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, chúng ta muốn nói đến các thành phần chủ yếu nhất, các phần cốt lõi nhất của nó. Đó là nội dung tình cảm, tư tưởng, đạo lý được chứa đựng trong các hình thức biểu hiện rất phong phú, đa dạng nhằm thể hiện tâm hồn, cốt cách và bản lĩnh của dân tộc ta. Với ba thời kỳ quan trọng trong tiến trình lịch sử văn hóa là thời kỳ Văn

Lang-Âu Lạc, thời kỳ Đại Việt, thời kỳ Việt Nam xã hội chủ nghĩa, những đặc điểm cơ bản của nền văn hóa Việt Nam, theo tác giả là truyền thống đoàn kết, nhân nghĩa, kiên cường, bất khuất; là đặc tính độc lập thể hiện sức mạnh nội sinh của nền văn hóa Việt Nam; là sự “Việt hóa” thành công các yếu tố văn hóa ngoại sinh; là tính chất kế thừa trong tiến trình văn hóa; là sự tự dung hợp của tam giáo và sự pha trộn giữa Phật giáo, Lão giáo, Đạo giáo với các tín ngưỡng nguyên thủy ở địa phương.

Như vậy, tiến trình phát triển của văn hóa truyền thống Việt Nam diễn ra theo cách dung hợp, và xếp tầng lên nhau theo các lớp, các yếu tố văn hóa. Điều đó cũng có nghĩa là nó diễn ra theo bước đi tiệm tiến, biến đổi dần dần chứ chưa có một cuộc cách mạng xã hội thực sự nào trong lịch sử văn hóa truyền thống của dân tộc (tr.25).

Theo dõi quá trình ra đời và phát triển bảng giá trị tinh thần trong lịch sử văn hóa nước ta, tác giả nhận thấy: các thành tố của bảng giá trị này phát triển không đồng đều trên sáu lĩnh vực: gia đình, kinh tế, giáo dục, văn nghệ, tôn giáo và chính trị.

Giá trị thuộc lĩnh vực gia đình gắn với sự ra đời của gia đình hạt nhân, trong kết cấu xã hội: nhà (gia đình) - làng - nước. Giá trị của gia đình Việt Nam là ở chỗ, nó như cái tổ ấm nuôi dưỡng và hình thành nhân cách con người, nó cũng có chức năng bảo tồn và trao truyền giá trị văn hóa cho các thế hệ tiếp nối. Làng Việt Nam là một pháo đài xanh bảo vệ di sản văn hóa, chống lại những yếu tố văn hóa độc hại xâm nhập vào cộng đồng; làng còn là môi trường giáo dục, ở đó mỗi thành viên được rèn luyện về ý thức cộng đồng, về tinh thần dân chủ làng xã và tình yêu



đất nước. Kết cấu gia đình - làng xã Việt Nam đã chứng tỏ sức mạnh đề kháng của nó trước mọi mưu toan đồng hóa văn hóa của những đế chế hùng mạnh trong lịch sử, kết cấu này còn có khả năng thích ứng mềm dẻo trong việc tiếp nhận những yếu tố văn hóa tương hợp từ phía ngoại sinh, tự làm phong phú cho mình để không ngừng vươn lên ngang tầm thời đại.

Về mặt kinh tế, giá trị nổi bật nhất ở người Việt cổ là khả năng lao động phi thường và tinh thần cải tạo thiên nhiên. Theo tác giả, đây chính là bản anh hùng ca lao động mà những người nông dân cần cù đã viết nên bằng mồ hôi, nước mắt của họ trong lịch sử dựng nước.

Giá trị thuộc về lĩnh vực giáo dục gắn với hệ thống giáo dục Hán học cũng như hệ thống giáo dục chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Tây thời Pháp thuộc, gắn với những người hiền tài, với tầng lớp trí thức tân học, mà bộ phận ưu tú của nó đã trở thành những cán bộ cách mạng, phần đông những người còn lại đã trở thành lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng nền giáo dục mới của đất nước - vừa dân tộc vừa hiện đại.

Giá trị tiêu biểu của văn nghệ truyền thống Việt Nam là ở chỗ đó là nền văn nghệ yêu nước. Về cơ bản, văn nghệ truyền thống Việt Nam mang đậm tính chất dân gian, chỉ từ thế kỷ XV trở đi thì bộ phận văn chương mới tách ra và phát triển theo xu hướng bác học. Khi Việt Nam tiếp cận với văn hóa phương Tây thì cả hai bộ phận văn chương và nghệ thuật đều phát triển theo hai dòng: vừa dân gian, vừa bác học. Chính tinh thần yêu nước tiềm tàng, biểu thị ở tình yêu văn hóa dân tộc của giới trí thức văn nghệ nước ta, đã nhanh chóng tiêu hóa những yếu tố tiến bộ của văn hóa phương Tây, tạo

điều kiện cho nền văn nghệ nước nhà chủ động hội nhập với văn nghệ tiến bộ của thế giới hiện đại.

Nói đến giá trị tôn giáo trong bảng giá trị tinh thần lịch sử văn hóa Việt Nam không thể không nói đến “đạo ông bà” là đạo gốc của mọi người Việt Nam: trong gia đình có ông bà, dòng họ có tổ tiên, nghề nghiệp có tổ nghề, làng xã có thần làng, quốc gia có quốc tổ. Tín ngưỡng thờ cội nguồn có thể xem như một dạng nội lực, đã liên kết dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Về phương diện chính trị, hệ tư tưởng yêu nước đóng vai trò chủ đạo trong bảng giá trị tinh thần Việt Nam thể hiện ở tinh thần hiến thân vì đại nghĩa, ở ý chí quyết tâm giành và giữ chủ quyền dân tộc. Bên cạnh đó, lòng nhân ái và tình cảm cộng đồng sâu sắc là hạt giống trong vườn đạo đức Việt Nam, thể hiện ở triết lý “thương người như thể thương thân”. Tình thương ấy là cơ sở xây dựng nên ý chí kiên cường, bất khuất trước kẻ thù xâm lược. Anh hùng và nhân ái là hai mặt của phẩm chất tinh thần Việt Nam, làm trụ cột cho bảng giá trị tinh thần Việt Nam.

Phần nội dung khái quát quá trình phát triển và những giá trị tiêu biểu của nền văn hóa dân tộc của công trình nghiên cứu là cơ sở giúp chúng ta nhận thức rõ hơn sự biến đổi của văn hóa Việt Nam hiện nay dưới tác động của sự nghiệp đổi mới đất nước. Từ đó, chúng ta có thể đề ra những phương hướng và giải pháp đúng đắn để kế thừa và phát huy các giá trị tiến bộ và tích cực của văn hóa dân tộc trong thời đại mới, chống lại các nguy cơ dẫn đến đồng hóa văn hóa, đặc biệt là dưới sự tác động của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế (tr. 26-32).

Chương 2 - Những tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đối với văn hóa Việt Nam hiện nay

1. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay

Toàn cầu hóa là kết quả của một quá trình lịch sử lâu dài phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường. Các đặc điểm chủ yếu của quá trình toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế được tác giả nêu ra vắn tắt trong phần mở đầu của chương II nhưng đã bao hàm nội dung của nó trong vận động và phát triển.

Đặc điểm thứ nhất là cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất và những biến đổi trong phương thức kinh doanh. Đặc điểm thứ hai là những biến đổi sâu sắc về mặt xã hội trong quá trình toàn cầu hóa với những biến đổi trong lực lượng lao động và cơ cấu phân công lao động xã hội, với xu hướng phát triển giáo dục gắn với phát triển kinh tế và xã hội theo hướng “tri thức hóa xã hội”, với sự biến đổi trong cơ cấu xã hội - dân cư. Đặc điểm thứ ba là toàn cầu hóa hiện nay đang vận động trong quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Ở phần tiếp theo của chương này, tác giả đã nêu ra một số công việc mà Việt Nam cần và có thể phải làm tốt để chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Một là, thống nhất và phổ biến trong toàn dân và toàn hệ thống chính trị nhận thức sáng tỏ, dứt khoát, nhất quán về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, trên cơ sở nhận thức như vậy, xây dựng và thực hiện một chiến lược chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đủ định tính và định lượng, đủ tầm nhìn xa, rộng và tính chất thiết thực để đáng

gọi là chiến lược.

Ba là, chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế là một phần của chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là, cả ba mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp có vai trò cực kỳ quan trọng trong xây dựng và đổi mới hệ thống thể chế.

Và năm là, các doanh nghiệp là người trực tiếp tham gia hội nhập kinh tế quốc tế (tr. 57-60).

2. Thực trạng tác động của toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đối với các lĩnh vực hoạt động văn hóa ở Việt Nam hiện nay

Về tư tưởng, đạo đức lối sống, xu thế toàn cầu hóa kinh tế đã tác động mạnh mẽ, góp phần vào quá trình đổi mới nhận thức tư tưởng, đổi mới tư duy lý luận của Đảng thể hiện tập trung ở việc nhận thức những vấn đề sau: Nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn về vai trò của nền kinh tế thị trường và làm rõ mô hình phát triển kinh tế xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xuất phát từ sự đổi mới nhận thức, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu ra định hướng giá trị chính trị - xã hội mới “tất cả vì hạnh phúc của nhân dân”, hướng tới “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Ngày nay, trong đổi mới tư duy, ý thức xã hội đối với lao động đã có thay đổi. Bất cứ lao động nào đem lại hiệu quả thực tế, có đóng góp cho xã hội, không trái với pháp luật, đều được xem là lao động có ích, đều có giá trị xã hội như nhau về đạo đức. Gắn với các vấn đề trên là chủ trương mở rộng dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xã hội công dân.

Bên cạnh những ảnh hưởng tích

cực góp phần vào sự thành công của công cuộc đổi mới, theo quan điểm của tác giả cuốn sách, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng gây ra những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến tư tưởng của xã hội ta hiện nay trên một số mặt chủ yếu như:

- Quan điểm “xét lại” nền tảng hệ tư tưởng;
- Sự “thờ ơ” với lý tưởng chính trị;
- Sự lúng túng trong định hướng lý tưởng;
- Sự bất mãn, “mất lòng tin” vào đời sống hiện thực và chế độ xã hội;
- Biểu hiện của cơ hội chính trị.

Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tác giả nêu ra tám mặt tác động của toàn cầu hóa kinh tế: dẫn đến một cuộc cách mạng về đào tạo ngành nghề trong xã hội; đòi hỏi giáo dục - đào tạo phát triển theo một phương châm mới: giáo dục thường xuyên, giáo dục suốt đời; làm thay đổi nội dung, phương pháp, phương tiện, phương thức giáo dục - đào tạo; đòi hỏi nền giáo dục phải đặc biệt coi trọng việc giảng dạy và sử dụng tin học, công nghệ thông tin và Internet; đòi hỏi giáo dục - đào tạo của các quốc gia phải coi trọng việc sử dụng phổ biến tiếng Anh trong nhà trường; tiến hành giáo dục những vấn đề toàn cầu trong hệ thống giáo dục của các quốc gia; thương mại hoá nền giáo dục quốc tế; và thúc đẩy tình trạng chảy máu chất xám trong giáo dục - đào tạo (tr. 73-78).

Tác động của toàn cầu hoá kinh tế đối với lĩnh vực thông tin đại chúng ở Việt Nam được tác giả phân tích kỹ lưỡng từ chỗ chỉ ra những đặc điểm nổi bật của báo chí Việt Nam sau 20 năm đổi mới với sự phát triển gia tăng không chỉ ở số lượng mà còn ở trình độ kỹ thuật, nội dung thông tin. Thông tin

trên báo chí ngày càng phong phú, chất lượng được nâng cao với chức năng là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, đồng thời là diễn đàn của nhân dân “Những đặc điểm đó của báo chí trong xu thế toàn cầu hoá đã tác động tích cực đến hoạt động báo chí đồng thời cũng là nguyên nhân của nhiều yếu kém, khuyết điểm. Khuyết điểm rõ nhất của báo chí Việt Nam là xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa bám sát nhiệm vụ chính trị, đối tượng phục vụ; chạy theo những thông tin giật gân, tầm thường, ít tác dụng giáo dục để câu khách vì mục đích lợi nhuận đơn thuần. Thông tin sai sự thật còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Mặt trái xã hội được đề cập đến quá nhiều và không thích đáng gây ấn tượng sai lạc về đất nước và chế độ ta. Trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhà báo bị suy giảm nhiều. Cơ chế hoạt động và hệ thống luật pháp còn nhiều mặt trì trệ, lúng túng, hạn chế khả năng phát triển lành mạnh của báo chí” (tr. 130-131).

Toàn cầu hoá và kinh tế thị trường hội nhập đã ảnh hưởng đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam theo các xu hướng sau: xu hướng thế tục hoá và hiện đại hoá tôn giáo; xu hướng đa dạng hoá tôn giáo; xu hướng phủ nhận tín ngưỡng truyền thống và văn hoá dân tộc; xu hướng xuất hiện các giáo phái mới, trong đó có một số giáo phái phi nhân tính, phản văn hoá; xu hướng lợi dụng vấn đề tôn giáo và dân tộc của các thế lực thù địch (tr. 132-141).

Còn về lĩnh vực dịch vụ văn hoá, toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đã có những tác động tích cực ở chỗ: góp phần làm gia tăng số lượng và chất lượng các loại hình dịch vụ văn hoá; góp phần thoả mãn nhu cầu về văn hoá của

mọi tầng lớp dân cư, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng miền, giữa các quốc gia; góp phần khai thác hữu hiệu lợi ích kinh tế của văn hoá, biến văn hoá trở thành một nguồn lực thực sự trong công cuộc phát triển. Bên cạnh những tác động tích cực, quá trình toàn cầu hoá cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hoá. “Hiện nay đang có một xu hướng do quá đề cao tính thương mại của dịch vụ văn hoá, quá chú trọng tới việc khai thác lợi ích kinh tế của hoạt động dịch vụ văn hoá mà coi nhẹ tính nghệ thuật, tính giáo dục, tính nhận thức của văn hoá, thậm chí bất chấp cả pháp luật”. Toàn cầu hoá cũng tạo điều kiện để các sản phẩm phản văn hoá du nhập vào nước ta, mang tới nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc mà một số nhà nghiên cứu gọi đó là nguy cơ “đồng phục văn hoá” (tr. 151-164).

Phần nội dung “*thực trạng tác động của toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đối với các lĩnh vực hoạt động văn hoá ở Việt Nam hiện nay*” cũng dành sự quan tâm đến những tác động tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hoá kinh tế đối với các lĩnh vực: khoa học công nghệ, văn học nghệ thuật, điện ảnh, văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số, ngôn ngữ, hoạt động xuất nhập khẩu văn hoá và quản lý văn hoá của nhà nước.

Trên cơ sở những phân tích trên, trong phần tiếp theo của cuốn sách, tác giả đã đưa ra đánh giá chung về ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đối với văn hoá Việt Nam, từ đó đề cập đến những vấn đề đặt ra đối với nền văn hoá dân tộc trước yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế:

Văn hoá dân tộc phải tham gia vào quá trình nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế khi hội nhập;

Nền văn hoá dân tộc phải khẳng định vị thế của mình trong xu thế đối thoại giữa các nền văn hoá trên thế giới;

Nền văn hoá dân tộc phải thích ứng với thời kỳ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Chương 3 - Phương hướng và giải pháp để phát huy những ưu thế, vượt qua những thách thức nhằm xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế

1. Căn cứ vào việc phân tích thực trạng của các hoạt động văn hoá trong thời gian qua, căn cứ vào chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào điều kiện khách quan và chủ quan của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tác động đến nền văn hoá Việt Nam hiện nay, tác giả đã đưa ra một số dự báo về xu thế phát triển chung của văn hoá Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI như sau:

Xu thế đấu tranh để khẳng định nền tảng tư tưởng của sự nghiệp xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với các trào lưu tư tưởng tư sản khác nhau diễn ra ngày càng quyết liệt và phức tạp;

Xu hướng đấu tranh giữa việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc với sự tấn công của chủ nghĩa đế quốc trong văn hoá, đặc biệt là xu hướng Mỹ hoá văn hoá trong quá trình hội nhập kinh tế ngày càng gia tăng;

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, xu hướng đấu tranh để chống

lại các tiêu cực và tệ nạn xã hội, chống lại sự suy thoái về tư tưởng đạo đức lối sống, nhằm xây dựng môi trường văn hoá tinh thần lành mạnh sẽ diễn ra như một quá trình vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài;

Quá trình đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế cũng tạo nên sự phân hoá giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các nhóm xã hội, các vùng, các miền, các dân tộc khác nhau (tr. 227-230).

2. Bốn phương hướng phát huy ưu thế, vượt qua thách thức để xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, theo tác giả là:

Phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc văn hoá dân tộc, tạo động lực tinh thần cho quá trình hiện đại hoá văn hoá dân tộc;

Nâng cao trình độ dân trí, trình độ khoa học công nghệ và trình độ quản lý nhà nước cho phù hợp với yêu cầu và tốc độ của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế;

Nâng cao tính sáng tạo của nền văn hoá dân tộc, mở rộng dân chủ, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nhân dân, khuyến khích đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc;

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận văn hoá nhằm bảo vệ các giá trị chân chính của chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, kiên quyết đấu tranh vạch trần mọi mưu toan lợi dụng toàn cầu hoá

kinh tế để thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá, du nhập các trào lưu tư tưởng trái với đường lối văn hoá của Đảng.

3. Bản lĩnh Việt Nam đã được thử thách trong trường kỳ lịch sử, cần được vận dụng một cách sáng tạo trong giao lưu văn hoá hiện tại: tiếp thu những gì có lợi cho phát triển, đồng thời loại bỏ, ngăn chặn những độc tố văn hoá ảnh hưởng đến các giá trị thẩm mỹ và nhân văn. Trong phần nội dung cuối cùng của cuốn sách, tác giả đề xuất *một số giải pháp để vượt qua thách thức trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thời kỳ đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế*.

Một là, tăng cường nâng cao nhận thức của các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị xã hội, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân về vai trò của văn hoá dân tộc trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật nhằm vừa bảo đảm giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, vừa chủ động tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới, thông qua việc mở rộng hợp tác và giao lưu văn hoá quốc tế, nâng cao vị thế của văn hoá Việt Nam trong cộng đồng khu vực và quốc tế.

Ba là, tạo động lực để văn hoá dân tộc phát triển trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Bốn là, đổi mới công tác quản lý nhà nước về văn hoá cho phù hợp với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế (tr. 235-245).